TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 418/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Phạm Thị A -** sinh năm: 1984.
Địa chỉ: Ấp Th Tr, xã Th S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: **Ông Đặng Văn Ph** – sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Ấp Th Th, xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày:

Bà và ông Đặng Văn Ph tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/6/2003.

Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông Ph uống rượu rồi ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau rồi ông Ph đánh đập bà. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau mỗi người có một cuộc sống riêng. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đặng Phạm Quang L – sinh ngày 07/11/2012 và cháu Đặng Phạm Hồng Ng – sinh ngày 09/02/2014 hiện nay đang ở với ông Đặng Văn Ph nên bà giao cháu L, cháu Ng cho ông Ph nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời bị đơn ông Đặng Văn Ph trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị A tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/6/2003.

Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà A có quan hệ ngoại tình ông đã khuyên bảo nhưng bà A không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau mỗi người có một cuộc sống riêng. Ông xác định tình cảm dành cho bà Ánh không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đặng Phạm Quang L – sinh ngày 07/11/2012 và cháu Đặng Phạm Hồng Ng – sinh ngày 09/02/2014. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng với ông nên ông đồng ý nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu L, cháu Ng. Không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 85, 89, 91, 92, 93 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 80, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị A là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

Về hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Giao cho ông Đặng Văn Ph trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung cháu Đặng Phạm Quang L – sinh ngày 07/11/2012 và cháu Đặng Phạm Hồng Ng – sinh ngày 09/02/2014. Bà A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Phú không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Đặng Văn Ph hiện nay đang cư trú tại ấp Th Th, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị A khởi kiện xin ly hôn với ông Đặng Văn Ph và giao cháu Đặng Phạm Quang L – sinh ngày 07/11/2012 và cháu Đặng Phạm Hồng Ng – sinh ngày 09/02/2014 cho ông Đặng Văn Ph nuôi dưỡng nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà Phạm Thị Ánh là nguyên đơn và ông Đặng Văn Phú là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tống đạt văn bản tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Đặng Văn Ph và bà Phạm Thị A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/6/2003, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản lấy lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Bà A yêu cầu được ly hôn với ông Ph vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng xảy rã cãi vã nhau và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Ông Đặng Văn Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn do đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay nên đồng ý ly hôn với bà A.

Xét thấy: Hôn nhân của bà A và ông Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 của Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ánh là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Ông Đặng Văn Ph và bà Phạm Thị A có 02 người con chung là cháu Đặng Phạm Quang L – sinh ngày 07/11/2012 và cháu Đặng Phạm Hồng Ng – sinh ngày 09/02/2014. Xét thấy: Cháu Đặng Phạm Quang L, cháu Đặng Phạm Hồng Ng còn nhỏ, có nguyện vọng ở ông Ph và hiện đang ở với ông Ph được ông Ph chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, khi ly hôn bà A giao cháu Linh, cháu Ng cho ông Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho con nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L, cháu Ng cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Phú không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị A được ly hôn với ông Đặng Văn Ph.

2. Về con chung: Ông Đặng Văn Ph và bà Phạm Thị A có 02 người con chung là cháu Đặng Phạm Quang L – sinh ngày 07/11/2012 và cháu Đặng Phạm Hồng Ng – sinh ngày 09/02/2014. Giao cho ông Đặng Văn Ph có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con

chung là cháu Đặng Phạm Quang L và cháu Đặng Phạm Hồng Ng. Bà A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Phú không yêu cầu.

Bà Phạm Thị Ánh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị A phải chịu 300.000^{đ} *(ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (về ly hôn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo Biên lai số 0001492 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Lâm số 31, ngày 24/6/2003) để ghi vào sổ hộ tịch ;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Bá Đức

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Ngọc Thành Hoàng Thị Bích Ngọc **Nguyễn Bá Đức**